

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. **Tên trường:** Trường trung học cơ sở Vũ Phạm Khải

2. **Địa chỉ:** Xóm 3 Đông Sơn, xã Yên Mạc, tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại: 0916 299 587

Website: <https://thcsvuphamkhai.ninhbinh.edu.vn/>

Email: c2vuphamkhaiyenmo.ninhbinh@gmail.com.vn

3. **Loại hình; Chức năng, nhiệm vụ:**

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Yên Mạc

Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập trung học cơ sở tại xã Yên Mạc.

4. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.**

4.1. **Sứ mệnh**

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

4.2. **Tầm nhìn**

Đến năm 2030, trường THCS Vũ Phạm Khải có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng mức 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức 2; là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục của nhân dân trong xã.

4.3. **Mục tiêu:**

4.3.1. **Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới “công dân toàn cầu”.

4.3.2. **Các mục tiêu cụ thể**

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương

trình và phương pháp mới.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý giáo dục. Đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.

- Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- Đến 2030, trường có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng mức 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức 2.

5. Quá trình thành lập và phát triển:

Trường trung học cơ sở Vũ Phạm Khải- tiền thân là Trường cấp II Hòa Bình - được thành lập năm 1957. Từ năm 1976 đến năm 1989 được sát nhập với Trường cấp I thành trường Phổ thông cơ sở Yên Mạc. Năm 1990, trường được tách ra lấy tên là trường THCS Yên Mạc. Từ ngày 19 tháng 11 năm 2001, theo Quyết định số 142/QĐ-UB ngày 10 tháng 11 năm 2001 của UBND xã Yên Mạc, trường được vinh dự mang tên Danh nhân văn hoá Vũ Phạm Khải: Trường Trung học cơ sở Vũ Phạm Khải.

Trải qua 69 năm xây dựng và trưởng thành, Trường THCS Vũ Phạm Khải từng bước có sự phát triển cả về quy mô và chất lượng giáo dục. Từ một ngôi trường ban đầu chỉ có 01 lớp học và 46 HS, CSVCS, trang thiết bị dạy học thiếu thốn, đến nay, được sự quan tâm chỉ đạo của Sở GD&ĐT Ninh Bình, Phòng GD&ĐT huyện Yên Mô, chính quyền các cấp, cùng với sự cố gắng phấn đấu của các thế hệ CBGVNV và HS, Trường THCS Vũ Phạm Khải đã được UBND tỉnh Ninh Bình công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia vào tháng 12 năm 2006, tháng 10 năm 2013 và tháng 11 năm 2018. Sở GD&ĐT Ninh Bình công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 3 vào tháng 4 năm 2014. Trường THCS Vũ Phạm Khải được SGDĐT Ninh bình công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 3, CQG mức độ 2 theo QĐ số 1005/QĐ-SGDĐT ngày 29/5/2026.

Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng hoàn thiện, chất lượng giáo dục hàng năm được nâng lên có nhiều học sinh giỏi các cấp về văn hóa, thể dục thể thao; số học sinh tốt nghiệp bình quân luôn đạt 99%, thi tuyển vào lớp 10 THPT luôn duy trì trên mặt bằng của huyện, giữ vị trí tốp đầu các trường dự thi vào trường THPT.

Đây là sự khẳng định về chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường trong những năm vừa qua, đồng thời cũng là tiền đề quan trọng để nhà trường xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn sau với mục tiêu duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phấn đấu trở thành một địa chỉ tin cậy của nhân dân, học sinh trên địa bàn xã.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của công nghệ 4.0, nước nhà đòi hỏi phải có con người Việt Nam mới sáng tạo năng động, có kỹ năng sống, yêu nước, yêu CNXH, hướng tới “công dân toàn cầu”, nhà trường luôn phấn đấu vì mục tiêu đó.

6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện:

Người đại diện pháp luật: Hoàng Thị Tuyết.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 3 Đông Sơn, xã Yên Mạc, tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại: 0916 299 587

Email: hoangtuyethp71@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường:

Trường được thành lập từ năm 1957; Hiện nay không còn Quyết định thành lập trường; Theo Quyết định số 142/QĐ-UB ngày 10 tháng 11 năm 2001 của UBND xã Yên Mạc, trường được vinh dự mang tên Danh nhân văn hoá Vũ Phạm Khải: Trường Trung học cơ sở Vũ Phạm Khải kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2001.

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

* Hiệu trưởng: Hoàng Thị Tuyết

+ Ngày tháng năm sinh: 10/05/1971

+ Bổ nhiệm và điều động giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Vũ Phạm Khải từ ngày 01/04/2022 theo Quyết định số: 1881/QĐ-UBND ngày 29/03/2022 của UBND xã Yên Mạc.

* Phó hiệu trưởng: Phạm Thị Miên

+ Ngày tháng năm sinh: 13/01/1977

+ Theo quyết định bổ nhiệm lại giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Vũ Phạm Khải từ ngày 01/02/2024 theo quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của ủy ban nhân huyện Yên Mô.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

❖ Cơ chế hoạt động của trường THCS Vũ Phạm Khải

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, phó tổ trưởng; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ

trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

❖ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp.

Trường THCS Vũ Phạm Khải là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Yên Mạc.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục (HĐGD).

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, NV và HS tham gia các hoạt động XH.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của Cơ sở giáo dục

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 tổ KHTN

+ 01 tổ KHXX

+ 01 tổ Văn phòng

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 25 đảng viên.

7.4. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

T T	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử •
1	Hoàng Thị Tuyết	Hiệu trưởng	0916299587	hoangtuyethp71@gmail.com
2	Phạm Thị Miên	Phó hiệu trưởng	0911567907	phamthimien76@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: xóm 3 Đông Sơn, xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. số điện thoại: 0916 299 587

Các văn bản khác của nhà trường:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội SP; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;

(Có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số biên chế được UBND xã Yên Mạc giao năm 2026:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	01	0	
Phó Hiệu trưởng	1	1	0	0	01	0	
Giáo viên	22	15	0	0	21	1	
Nhân viên	5	4	0	0	5	0	02 HĐ
Cộng	29	21	0	0	28	1	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Vũ Phạm Khải năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt

	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29	0	1	24	1	03	0	6	16	0	22	0	0	0
I	Giáo viên	22	0	1	22	0	0	0	6	16	0	22	0	0	0
1	Toán	02	0	0	02	0	0	0	0	02	0	02	0	0	0
2	KHTN	04	0	0	04	0	0	0	01	03	0	04	0	0	0
3	Công nghệ	01	0	0	01	0	0	0	01	0	0	01	0	0	0
4	Tin học	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	01	0	0	0
5	Ngữ văn	05	0	0	05	0	0	0	01	03	0	05	0	0	0
6	Tiếng Anh	02	0	0	02	0	0	0	01	01	0	02	0	0	0
7	GDCD	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	01	0	0	0
8	Lịch sử-Địa lý	03	0	01	02	0	0	0	01	02	0	03	0	0	0
9	GDTC	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	01	0	0	0
10	NT (Mỹ Thuật)	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	01	0	0	0
11	NT (Âm nhạc)	01	0	0	01	0	0	0	01	0	0	01	0	0	0
12	HĐTN-HN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	GDĐP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	0	1	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
III	Nhân viên	5	0	0	1	1	03	0							
1	NV văn thư	1	0	0	0	1	0	0							
2	NV kế toán	1	0	0	1	0	0	0							
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0							
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0							
5	NV thư viện	1	0	0	0	0	1	0							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	0	0	1	0							

4	NV hỗ trợ giáo dục NKT	0	0	0	0	0	0	0						
8	Nhân viên CNTT	0	0	0	0	0	0	0						
9	Bảo vệ (HĐLĐ)	1	0	0	0	0	0	1						

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin CSVC của THCS Vũ Phạm Khải, năm học 2025-2026 cụ thể:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	11	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	11	1.5
2	Phòng học bán kiên cố	/	/
3	Phòng học tạm	/	/
4	Phòng học nhờ	/	/
5	Số phòng học bộ môn	09	1.5
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	1.5
7	Bình quân lớp/phòng học	1.0	2.5
8	Bình quân học sinh/lớp	36	1.5
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	12.074	30.7
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5000	7,48
VI	Tổng diện tích các phòng	/	/
1	Diện tích phòng học (m ²)	54	1,5
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	54	1.5
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	20	/
3	Diện tích thư viện (m ²)	54	1,5

4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		/	/	
5	Diện tích phòng Đoàn Đội. phòng truyền thống (m ²)		54	0,77	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)			Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		3		
1.1	Khối lớp 6		2	0.2	
1.2	Khối lớp 7		2	0.2	
1.3	Khối lớp 8		2	0.2	
1.4	Khối lớp 9		2	0.2	
1.5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		500m ²	1.26	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)			Số học sinh/bộ	
1	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập		26	15.9	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		20	Số thiết bị/lớp	
1	Tivi		19	1.7	
2	Loa bluetooth		2	0.18	
3	Đầu Video/đầu đĩa		/	/	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		1	0,11	
5	Thiết bị khác		/	/	
	Nội dung		Số lượng (m²)		
X	Nhà bếp		0		
XI	Nhà ăn		0		
	Nội dung		Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		/	/	/
XIII	Khu nội trú		/	/	/
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m²/học sinh	

			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0.30
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THCS Vũ Phạm Khải đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Vũ Phạm Khải đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng ký kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Vũ Phạm Khải đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên với đầy đủ các

thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá: Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Trong năm học 2025-2026 nhà trường đã được UBND xã Yên Mạc đầu tư kinh phí xây dựng nhà Đa năng và sửa chữa nâng cấp khu hiệu bộ và một số công trình phụ trợ, đáp ứng nhu cầu cơ sở vật chất trường chuẩn Quốc gia, chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn. Nhà trường được SGD kiểm tra, ra quyết định công nhận trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 3, đạt CQG mức độ 2 ngày 29/5/2026 theo QĐ số 1005/QĐ- SGDDT.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

Thực hiện nguyên lý giáo dục “Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lý luận gắn liền với thực tiễn”. Trường THCS Vũ Phạm Khải đề ra và thực hiện kế hoạch, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém/chưa đạt cũng được quan tâm đúng mức.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp của BGD&ĐT. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: Tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi hằng năm đều tăng; học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều được duy trì về số lượng và chất lượng.

Kết quả tuyển sinh lớp 6 năm học 2025-2026: 03 lớp/120 học sinh,

Sĩ số học sinh toàn trường đầu năm 414 HS/11 lớp, duy trì đến cuối năm 412/11 lớp đạt 100% (trong đó có 02 HS chuyển trường và 01 HSKT).

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
6	120	3			
7	81	2	50	0	1
8	116	3	63	0	
9	95	3	41	0	
Toàn trường	412	11	199	0	01

- Chất lượng giáo dục - Năm học 2025-2026 cụ thể:

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số HS chia theo hạnh kiểm/rèn luyện	411	120	80	116	95
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	395 (96.11)	115 (95.83)	80 (100)	110 (94.83)	90 (94.74)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	16 (3.89)	5 (4.17)	0 (0)	6 (5.17)	05 (5.26)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực/học tập	411	120	80	116	95
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	85 (20.68)	22 (18.33)	20 (25.00)	24 (20.69)	19 (20.00)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	145 (35.28)	43 (35.83)	33 (41.25)	42 (36.21)	27 (28.42)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	169 (41.12)	49 (40.83)	27 (33.75)	44 (37.93)	49 (51.58)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12 (2.92)	6 (5.00)	0 (0.0)	6 (5.17)	0 (0)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	411	120	80	116	95
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	399 (97.08)	114 (95.00)	80 (100.0)	110 (94.82)	95 (100.0)
2	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	85 (20.68)	22 (18.33)	20 (25.00)	24 (20.69)	19 (20.00)
3	Rèn luyện, đánh giá lại (tỷ lệ so với tổng số)	12 (2.92)	6 (5.00)	0 (0.0)	6 (5.17)	0 (0)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	KK
1	Cấp trường	21	04	06	06	05
2	Cấp tỉnh/thành phố	8	01	01	05	01
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0

V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi TN	95	0	0	0	95
VI	Số học sinh được công nhận TN	95	0	0	0	95
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VI I	Số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT hệ công lập (tỷ lệ so với tổng số)	60/76 (79.00)				60/76 (79.00)
VI II	Số học sinh nam/số học sinh nữ	208/203	69/51	32/48	54/62	53/42
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Năm học 2025-2026 có 12 học sinh thi lại.(Khối 6 có 06 HS, Khối 8 có 06 HS)
Số học sinh được trúng tuyển vào THPT công lập năm học 2026-2027 : 60/76 HS (79.00%).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025

a. Nguồn ngân sách:

NỘI DUNG/ NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
Dự toán năm trước chuyển sang (1)	144.158.000	
Dự toán giao (2)	6.630.705.000	15.000.000
Dự toán bổ sung (3)	(20.500.000)	
Dự toán bổ sung (4)	105.492.000	126.495.000
Dự toán bổ sung (5)		352.000.000
Dự toán bổ sung (6)	76.000.000	290.561.200
Dự toán bổ sung (7)		
Dự toán bổ sung (8)		
Dự Toán thu(1+2+3-4)	6.935.855.000	784.056.200
Dự Toán chi	6.363.966.800	784.056.200
1. Tiền lương		
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		
3. Phụ cấp lương	<u>1.721.992.400</u>	

4. Các khoản đóng góp	<u>929.712.000</u>	
5. Tiền thưởng	<u>10.500.000</u>	352.000.000
6. Phụ cấp làm thêm giờ		
7. Phúc lợi tập thể	<u>198.500.000</u>	
8. Thanh toán dịch vụ công cộng	<u>40.512.300</u>	<u>9.000.000</u>
9. Vật tư văn phòng	<u>82.806.400</u>	<u>120.000.000</u>
10. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	<u>19.467.300</u>	
11. Công tác phí		
12. Chi phí thuê mướn	<u>130.782.800</u>	
13. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	<u>38.203.000</u>	
14. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	<u>161.228.200</u>	
15. Mua sắm tài sản vô hình	<u>45.000.000</u>	<u>6.000.000</u>
16. Chi khác	<u>33.700.000</u>	<u>249.795.000</u>
17. Chi đảm bảo xã hội		
18. Hỗ trợ chi phí học tập		<u>7.500.000</u>
19. Trợ cấp Tết Nguyên Đán		
Dự Toán còn lại	<u>94.607.800</u>	
Chuyển sang năm 2026	<u>94.607.800</u>	
Kinh phí hủy		

b. Nguồn dịch vụ:

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Coi xe	Dọn nhà vệ sinh học sinh	Nước uống học sinh	Dạy thêm
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ	137.030.000	31.050.000	32.640.000	32.640.000	0
2	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ	137.030.000	31.050.000	32.640.000	32.640.000	0

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	413	557.550.000	
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	8	4.800.000	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	6	4.500.000	
Học kỳ 1 năm học 2025-2026	5	3.000.000	
Học kỳ 2 năm học 2025-2026	4	2.250.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2025-2026 và dự kiến năm học 2026-2027:

SỐ TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	đồng/học sinh/ tháng		
2	Dịch vụ dọn nhà vệ sinh học sinh	đồng/học sinh/ tháng	20.000 đ	
3	Điện sáng	đồng/học sinh/ năm học		
4	Nước uống	đồng/học sinh/ tháng	20.000đ	
5	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/năm	631.800đ	
6	Bảo hiểm thân thể	đồng/học sinh/năm	200.000đ	
7	Dạy thêm	đồng/học sinh/tiết		
8	Trông coi xe	đồng/học sinh/tháng	10.000đ	
II	Năm học 2026-2027			
1	Dịch vụ dọn vệ sinh học sinh	đồng/học sinh/ tháng	20.000đ	
2	Giấy thi, giấy nháp	đồng/học sinh/ năm học	Theo thực tế	

3	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/năm	630.800 đ	
4	Bảo hiểm thân thể	đồng/học sinh/năm	200.000đ	
5	Trông coi xe	đồng/học sinh/tháng	10.000đ	
6	Nước uống	đồng/học sinh/tháng	20.000đ	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2025

ST T	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng		
III	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	Đồng	0	
IV	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	Đồng	0	

5. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2026

TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2026	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2025
1	2	3	4
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.708.000.0000	3.746.882.700
<i>1</i>	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	7.708.000.000	3.746.882.700
	Tiền lương	3.494.228.400	1.718.825.900
	Lương hợp đồng theo chế độ	141.804.000	73.079.6000
	Phụ cấp lương	1.784.167.600	881.154200
	Các khoản đóng góp	950.800.000	471,894,800
	Tiền thưởng, lễ tết	10.900.000	
	Phúc lợi tập thể	145.000.000	130.500.000
	Thanh toán khác cho cá nhân		14.500.000
	Thanh toán dịch vụ công cộng	48.000.000	22.973.3000
	Vật tư văn phòng	133.600.000	129.359.1000
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	50.965.000	23.983.0000
	Công tác phí	26.400.000	

	Chi phí thuê mướn	141.759.000	112.516.2000

TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2025
1	2	3	4
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	90.000.000	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	210.976.000	98.240.000
	Chi khác	38.400.000	1.641.000
	<u>Chi thưởng Nghị định 73/NĐ-CP</u>	<u>351.000.000</u>	
2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>		
	Chi thanh toán các phần mềm		
	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		
	Mua sắm thiết bị dạy học		

Nơi nhận:

- SGD&ĐT (b/c);
- Trang thông tin trường
- Niêm yết tại VP;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG**Hoàng Thị Tuyết**